

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **85/2017/DS-ST**
Ngày 15-12-2017
v/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Trọng Kim;
2. Ông Lê Đức Sơn;

-Thư ký phiên tòa: Bùi Ngọc Nghĩa- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Đinh Công Quảng- Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2017/TLST- DS, ngày 21/8/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2017/QĐST-DS ngày 01/11/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2017/QĐST-DS, ngày 21/11/2017; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị S**, sinh năm 1965. Có mặt.

Trú tại: Số 39 HV, khu phố 8, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy cho bà S: Ông **Nguyễn B**, sinh 1955.

Trú tại: Khu phố 4, thị trấn Đức Tài, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. (Văn bản ủy quyền ngày 15/9/2017)

2. *Bị đơn:* Bà **Hoàng Thị Y**, sinh năm 1971. Vắng mặt.

Trú tại: Số 15 ĐDT, khu phố 8, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

-Ông **Đỗ Xuân H**, sinh năm 1958 (Chồng bà S). Có mặt.

Trú tại: Số 39 HV, khu phố 8, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy cho ông H: Ông **Nguyễn B**, sinh 1955.

Trú tại: Khu phố 4, thị trấn Đức Tài, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. (Văn bản ủy quyền ngày 15/9/2017)

-Ông **Huỳnh Tấn D**, sinh năm 1970 (Chồng bà Y) – Vắng mặt.

Trú tại: Số 15 ĐDT, khu phố 8, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

-Bà **Hồ Thị L**, sinh 1968. Có mặt.

Trú tại: Số 316 CMT8, khu phố 4, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/9/2017, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Xuân H và ông Nguyễn B người đại diện cho bà S và ông H trình bày: Ngày 27/8/2014 bà Hoàng Thị Y vay của vợ chồng bà Trần Thị S và ông Đỗ Xuân H số tiền 13.000.000 đồng, hẹn 01 năm sau sẽ trả, nhưng đến hạn bà Y không trả mà hẹn thêm 06 tháng nữa. Số tiền này khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 8%/tháng, nhưng không ghi vào giấy nợ (theo ông Nguyễn B thì bà Y đã trả được 500.000 đồng tiền lãi). Nguồn gốc số tiền này là bà S vay của Huỳnh Thị Mỹ Lan, sinh năm 1985, trú tại khu phố 7, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận để cho bà Y vay lại.

Đến ngày 7/4/2015 (được ông Nguyễn B đính chính lại là vào ngày 16/3/2015) bà Y vay của bà S và ông H thêm 10.000.000 đồng và hẹn 06 tháng sẽ trả và trả luôn số tiền 13.000.000 đồng đã vay ngày 27/8/2014, số tiền này khi vay bà Y không có viết giấy, đồng thời cũng thỏa thuận lãi suất là 150.000đồng/tháng, (tương đương với 1,5%/tháng). Mục đích bà S cho bà Y vay số tiền này là để cho bà Y làm ăn và có điều kiện trả luôn số tiền 13.000.000 đồng đã vay vào ngày 27/8/2014. Nguồn gốc số tiền này là bà S vay của Công ty bảo hiểm Prudential chi nhánh tại 279 đường 3/2 thị trấn Đức Tài, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận 8.000.000 đồng rồi thêm vào 2.000.000 đồng, để đủ 10.000.000 đồng cho bà Y vay. Số tiền này bà Y cũng chưa trả lãi, gốc cho vợ chồng bà S.

Vào tháng 11/2015 bà Y mượn của bà S 02 chỉ vàng nhẫn, loại 24K để đeo trong đám cưới của con bà Y, nhưng sau khi đám cưới của con xong bà Y không trả lại cho vợ chồng bà S.

Ngày 28/8/2016 bà Y viết giấy và giao 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay của bà Hồ Thị L, sinh năm 1968, trú tại 316 CMT8, khu phố 4, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 150.000đồng/nửa tháng (tương đương 3%/tháng), thời hạn vay là 90 ngày. Bà Y cũng chưa trả gốc, lãi đối với số tiền này. Tuy trong giấy, thể hiện là bà Y vay của bà Hồ Thị L, nhưng thực chất đây là số tiền của vợ chồng bà S. Khi bà Y hỏi vay thêm tiền của bà S, thì bà S mới nhờ bà L đứng ra cho bà Y vay số tiền 10.000.000 đồng này. Hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Y giao cho bà L, thì bà S đang giữ.

Nay vợ chồng bà S yêu cầu vợ chồng bà Y và ông Huỳnh Tấn D phải có nghĩa vụ trả cho bà S, ông H số tiền gốc của 03 khoản vay là 33.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K.

Đồng thời yêu cầu bà Y và ông D phải trả số tiền lãi của 03 khoản tiền trên với mức lãi suất 3%/tháng, kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm; cụ thể như sau:

Số tiền 13.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 27/8/2014 đến ngày 15/12/2017 là 15.444.000 đồng;

Số tiền 10.000.000 đồng vay không có viết giấy, tính lãi từ ngày 16/3/2015 đến ngày 15/12/2017 là 9.890.000 đồng

Số tiền 10.000.000 đồng vay vào ngày 28/8/2016 tính lãi từ ngày 28/8/2016 đến ngày 15/12/2017 là 4.670.000 đồng.

Tổng cộng của 03 khoản lãi là 30.004.000 đồng.

Tại phiên tòa cả nguyên đơn và người đại diện đều khẳng định bà Y kể từ ngày vay cho đến nay chưa trả lãi đồng nào.

Chứng cứ do phía nguyên đơn đưa ra trong quá trình giải quyết vụ án: Giấy ghi nợ 13.000.000 đồng có ký chữ “Y”; giấy ghi mượn 2 chỉ vàng có chữ ký “Hoàng Thị Y”; giấy cầm sổ ruộng cho bà L ghi ngày 28/8/2016 có chữ ký “Hoàng Thị Y”; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Huỳnh Xuân H và một số tài liệu khác.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/9/2017 bị đơn Hoàng Thị Y trình bày: Giữa bà Y và bà S là bạn bè thân quen với nhau. Vào năm 2014, bà Y có vay của bà S số tiền 13.000.000 đồng, khi vay có viết giấy, hai bên thỏa thuận lãi suất mỗi tháng trả 80.000 đồng trên 1.000.000 đồng tiền gốc (tương đương với lãi suất 8%/tháng). Sau khi vay bà Y đã trả được 2 năm tiền lãi, sau đó không có tiền để trả lãi nữa. Tiền này bà Y vay về lo gạo, mắm cho gia đình, nên chồng bà Y là ông Huỳnh Tấn D phải có trách nhiệm trả.

Vào năm con trai của bà Y cưới vợ, cách đây khoản 2 năm, thì bà Y có mượn của bà S 02 chỉ vàng 24K, loại vàng nhẫn, khi mượn bà Y nói là để lo cho gia đình, nhưng mục đích mượn là bán lấy tiền trả lãi cho bà S. Vì buôn bán thua lỗ nên không có tiền trả cho bà S

Bà Y khẳng định chỉ vay của bà S số tiền 13.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k, loại vàng nhẫn. Ngoài ra bà Y không hề vay của bà S khoản tiền nào

10.000.000 đồng. Còn đối với số tiền 10.000.000 đồng bà Y khởi kiện bổ sung, thì đây là quan hệ giao dịch trực tiếp giữa bà Y và bà Hồ Thị L, còn bà S không có liên quan gì.

Nay bà Y chấp nhận trả cho bà S 13.000.000 đồng và 2 chỉ vàng, nhưng xin trả dần.

-Người có quyền, nghĩa vụ liên quan Hồ Thị L khai: Vào năm 2016, bà S có đưa cho bà L 10.000.000 đồng, để bà L đứng ra cho bà Y vay. Khi vay bà Y có viết giấy thỏa thuận lãi 150.000 đồng trên nửa tháng- tức là 3%/tháng, thời hạn vay 3 tháng. Khi vay bà Y có giao cho bà L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mang tên ai bà L không nhớ, giấy này do bà S giữ. Từ khi vay đến nay bà Y không hề trả gốc và lãi gì.

Việc bà S nhờ bà L đứng ra cho bà Y vay, thì bà Y hoàn toàn không biết gì. Nay bà L yêu cầu bà Y trả số tiền này cho bà S, chứ bà L không có trách nhiệm gì.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn bà Y không tham gia đầy đủ; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tấn D không tham gia, nên không tiến hành hòa giải được.

Những tình tiết trong vụ án mà các bên đã thống nhất: Bà Y chỉ thừa nhận vay của bà S 13.000.000 đồng và có mượn của bà S 02 chỉ vàng 24K, loại vàng nhẫn trơn.

Những tình tiết các đương sự không thống nhất: Khoản vay 10.000.000 đồng bà Y không thừa nhận. Về khoản vay 10.000.000 đồng do bà Hồ Thị L đứng tên cho vay, bà Y chỉ thừa nhận là vay của bà L, còn bà S không liên quan gì đến số tiền này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

-Phần thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật khi tiến hành xét xử vụ án. Đối với đương sự thì

nguyên đơn người có quyền, nghĩa vụ liên quan Hồ Thị L tuân thủ đúng pháp luật. Bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Tấn D không chấp hành theo các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

-Phần nội dung: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Qua kết quả xét hỏi tại phiên tòa, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì: Việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn về khoản vay 13.000.000 đồng và 2 chỉ vàng 24K là có căn cứ. Đối với 02 khoản vay ngày 16/3/2015 và 28/8/2016 là không có chứng cứ chấp nhận, nhưng khoản vay ngày 28/8/2016 thể hiện trong giấy tờ thì bà Y vay của bà L, nên bà L được quyền khởi kiện bà Y trong vụ án dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giao cho ông D tất cả các văn bản tố tụng nhưng ông D đều không ý kiến phản hồi gì. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Hoàng Thị Y, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Tấn D đều vắng mặt không có lý do, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt họ.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Các bên xác lập hợp đồng vay tài sản, mượn tài sản từ 27/8/2014 đến năm 2016, thời hạn thực hiện hợp đồng đến năm 2016. Do đó ngày 16/8/2017 nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án, thì thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản vẫn còn, nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp đòi lại tài sản. Đối với việc xác định pháp luật áp dụng trong quan hệ này là Bộ luật dân sự năm 2005, vì quan hệ dân sự này xác lập trước thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành.

[3] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử có quan điểm như sau:

Khoản tiền 13.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K là có căn cứ nên chấp nhận. Vì bị đơn bà Hoàng Thị Y đã thừa nhận, đồng thời có chứng cứ là giấy do bà Y viết và ký tên.

Đối với khoản tiền 10.000.000 đồng mà nguyên đơn cho rằng bà Y vay vào ngày 7/4/2015, còn người đại diện cho nguyên đơn là ông Nguyễn B cho rằng là vay vào ngày 16/3/2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận; bởi vì:

Thứ nhất: Nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh là bà Y có vay số tiền này. Theo nguyên đơn và người đại diện cho rằng số tiền này bà S đến vay của Công ty Prudential chi nhánh tại: Số 279 đường 3/2 thị trấn Đức Tài, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận số tiền 8.000.000 đồng, rồi thêm vào 2.000.000 đồng, để cho đủ 10.000.000 đồng đưa cho bà Y vay, nhưng lại không bắt bà Y viết giấy nợ, đây là một điều rất vô lý: Bởi trước đó ngày 27/8/2014 bà S cho bà Y vay 13.000.000 đồng, đến hạn bà Y không trả, nhưng bà S lại tiếp tục đi vay tiền của người khác đem cho bà Y vay lại mà không buộc bà Y phải viết giấy vay. Ngoài ra tại bút lục số 31, mà theo ông B đây là chứng cứ thể hiện bà Y vay 10.000.000 đồng của bà S, thì thấy rằng: Trong giấy này thể hiện có người tên Nguyễn Thị Hoàng Anh viết, có nội dung là: Chị “Nguyễn Thị S” có vay lại của Prudential 8.000.000 đồng, để đưa cho chị “Uyên”. Thì thấy có những điểm bất hợp lý như sau: Thời điểm bà S đến vay của Prudential là tháng 11/2015, còn trong đơn khởi kiện và tại các buổi hòa giải, tại phiên tòa bà S và người đại diện khai rằng: Vào ngày 7/4/2015 (theo bà S), vào ngày 16/3/2015 (theo ông B) thì bà S đến Công ty Prudential vay số tiền 8.000.000 đồng rồi thêm vào 2.000.000 đồng để cho đủ 10.000.000 đồng đưa cho bà Y vay. Tên của bà S ghi trong giấy là Nguyễn Thị S chứ không phải Trần Thị S; còn tên người nhận tiền từ bà S là Uyên, chứ không phải là Y. Ông Nguyễn B có yêu cầu Tòa án triệu bà Nguyễn Thị Hoàng Anh, trú tại: Tổ 1, thôn 4, xã Đức Chính, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận đến Tòa án khai báo sự

việc, vì bà Nguyễn Thị Hoàng Anh là người biết rõ việc này, nhưng khi Tòa án triệu tập bà Anh đến Tòa án (Giấy triệu tập ông Nguyễn B ký nhận cam kết đem về giao cho bà Anh), nhưng bà Anh vẫn không đến Tòa án khai báo. Đồng thời, trong gian đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án có yêu cầu phía nguyên đơn cung cấp chứng cứ mà bà S vay của Công ty bảo hiểm Prudential 8.000.000 đồng, nhưng phía nguyên đơn cũng không cung cấp cho Tòa án mà chỉ cung cấp 01 phiếu chi.

Thứ hai: Tại biên bản lấy lời khai của bà Y ngày 12/9/2017, thì bà Y không thừa nhận có vay của bà S số tiền 10.000.000 đồng này.

Về khoản tiền 10.000.000 đồng nguyên đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/9/2017, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn, với những lý do: Mặc dù bà S và bà Hồ Thị L đều thừa nhận đây là tiền của bà S, bà S nhờ bà L đứng ra cho bà Y vay, nhưng bà Y không biết việc này. Ngoài ra, bà Y cho rằng bà có vay của bà Hồ Thị L số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 28/8/2016, việc này là giao dịch giữa bà Y với bà L, còn bà S không có liên quan gì.

Do đó, về số tiền 10.000.000 đồng mà nguyên đơn khởi kiện bổ sung, Tòa án bác yêu cầu và dành quyền khởi kiện cho bà Hồ Thị L đối với bà Y trong vụ án khác là phù hợp pháp luật.

[4] Về yêu cầu lãi suất của nguyên đơn và người diện thì thấy rằng: Do Hội đồng xét xử chỉ chấp khoản tiền gốc 13.000.000 đồng, nên chỉ chấp nhận tính lãi đối với số tiền này. Cụ thể như sau: Mặc dù trong giấy ghi nhận tiền vay không có thể hiện về lãi suất, nhưng hai bên đều thừa nhận lãi suất thỏa thuận là 8%/tháng, đây là mức lãi vượt mức cho phép của pháp luật được quy định tại Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, nên điều chỉnh cho phù hợp theo mức 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định, theo Quyết định số 2868/QĐ- NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước thì lãi suất cơ bản từ 2014 đến 2016 là 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,125%/tháng

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể từ 27/8/2014 đến 15/12/2017 là 39 tháng 18 ngày, số tiền lãi được chấp nhận là:

$$13.000.000đ \times 1,125\%/tháng \times 39 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 5.791.500 \text{ đồng.}$$

Bà Y khai lúc thì trả lãi được 7 tháng, có lúc khai là đã trả lãi được 2 năm với mức lãi suất 8%/tháng, nhưng không có chứng cứ gì để chấp nhận, còn đại diện cho nguyên đơn khai bà Y chưa trả tiền lãi. Do đó, số tiền lãi phải trả là: 5.791.500 đồng.

Do bà Y vay tiền về lo cho gia đình nên buộc bà Y, ông D phải cùng trả số nợ này cho vợ chồng bà S là phù hợp Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, kết quả phiên họp về chứng cứ cho ông Huỳnh Tấn D biết, nhưng ông D cũng không có ý kiến gì.

Về 02 chỉ vàng 24K, đây là tài sản mà bà S cho bà Y mượn để đeo trong đám cưới của con bà Y, xác định đây là hợp đồng mượn tài sản, nên chỉ buộc bà Y trả lại tài sản đã mượn cho bà S là 02 chỉ vàng 24k (vật cùng loại), chứ không tính lãi suất.

Các khoản tiền lãi không được chấp nhận, cụ thể như sau:

$$13.000.000 \text{ đồng} \times 3\%/tháng \times 39 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 15.444.000 \text{ đồng} - 5.791.500 \text{ đồng} = 9.652.500 \text{ đồng};$$

$$10.000.000 \text{ đồng} \times 3\%/tháng \times 32 \text{ tháng } 29 \text{ ngày (từ 16/3/2015 đến 15/12/2017)} = 9.890.000 \text{ đồng};$$

$$10.000.000 \text{ đồng} \times 3\%/tháng \times 15 \text{ tháng } 17 \text{ ngày (từ 28/8/2016 đến 15/12/2017)} = 4.670.000 \text{ đồng.}$$

Yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận: Tiền gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi: 24.212.500 đồng.

[5] Về án phí: Bà Y và D phải chịu án phí trên số tiền và số vàng phải trả cho nguyên đơn. Bà S và ông H phải chịu án phí phần khởi kiện không được chấp nhận.

Đối với 02 chỉ vàng 24K quy ra tiền tại thời điểm xét xử là 3.500.000 đồng/chỉ x 2 chỉ = 7.000.000 đồng để tính án phí.

[6] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị bản án này theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 357, khoản 2 Điều 468, điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Khoản 1 Điều 179, Điều 471, khoản 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476, khoản 2 Điều 478, Điều 512, Điều 514 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Hoàng Thị Y và ông Huỳnh Tấn D phải trả cho bà Trần Thị S và ông Đỗ Xuân H: Số tiền là 18.791.500 đồng (Mười tám triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn năm trăm đồng), trong đó tiền gốc 13.000.000 đồng; tiền lãi 5.791.500 đồng và 02 (hai) chỉ vàng nhẫn loại vàng 24K (trường hợp không trả bằng vàng, thì quy đổi giá trị 02 chỉ vàng 24k, loại vàng nhẫn trơn thành tiền tại thời điểm thi hành án, để thi hành án).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần Thị S và ông Đỗ Xuân H cho đến khi thi hành án xong (về khoản tiền nói trên), hàng tháng bà Hoàng Thị Y và ông Huỳnh Tấn D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả 02 khoản tiền vay với số tiền là 20.000.000 đồng; tiền lãi là 24.212.500 đồng.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị Y và ông Huỳnh Tấn D phải chịu 1.289.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị S và ông Đỗ Xuân H phải chịu 2.210.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 750.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013239 ngày 21/8/2017 và 300.000 đồng biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013271 ngày 29/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Bà S và ông H còn phải nộp 1.160.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 15/12/2017; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tấn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./-

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:

-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-THADS huyện;
-Các đương sự;
-Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thái

